TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PT, TP HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 4 - 2019
V/v Tranh chấp về Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, THÀNH PHỐ HÀNỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông **Lê Văn Bình**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **Vũ Đức Sắc**
  Ông **Nguyễn Duy Tuyên**

- *Thư ký phiên toà*: Bà **Hoàng Thị Hải Uyến,** Thư ký Toà án nhân dân huyện PT, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa*: Bà **Khuất Thị Mỹ Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện PT, thành phố Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2019/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐST- HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Lê Trung T1**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Cụm 2, xã XP, huyện PT, thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Bị đơn*: Bà **Đoàn Thị T**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Cụm 2, xã XP, huyện PT, thành phố Hà Nội; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai tiếp theo tại Toà án, nguyên đơn ông Lê Trung T1 trình bày: Ông và bà Đoàn Thị T chung sống với nhau vào tháng 10 năm 1987, tuy nhiên, đến ngày 27/01/1988, ông, bà T mới đăng ký kết hôn tại UBND xã VX, huyện PT, TP Hà Nội. Hai bên hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới, bà Tvề chung sống với ông và gia đình ông. Thời gian, vợ chồng ông chung sống hạnh phúc. Quá trình sống với nhau vợ chồng ông đã xảy ra mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn xảy ra trầm trọng sâu sắc là từ tháng 6 năm 2017. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không hợp nhau nên vợ chồng thường xảy ra cãi nói nhau. Từ tháng 6 năm 2017 đến nay vợ chồng ông sống đã ly thân, không ai quan tâm đến ai nữa.

Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Đoàn Thị T.

Về con chung: Ông và bà T sinh được 02 con chung là Lê Thị T2, sinh ngày 16/8/1989, Lê Chung L, sinh ngày 29/5/1991. Hiện hai cháu đã trưởng thành, có khả năng lao động và có gia đình riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công sức: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có

Bà Đoàn Thị T trình bày: Bà và ông Lê Trung T1 chung sống với nhau vào ngày 16/10/1987, nhưng đến ngày 27/01/1988 ông, bà mới đăng ký kết hôn tại UBND xã VX, huyện PT, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau không có điều tiếng gì. Đến năm 2004, bà đi xuất khẩu lao động tại nước Đài Loan, thì ông T1ở nhà có quan hệ ngoại tình với chị Nguyễn Thị S ở PC, Ba Vì. Đến năm 2010, bà về nước bà khuyên ông T1, ông T1 không nghe. Ông T1về nhà còn đánh đập bà vô cớ. Đến tháng 6 năm 2017, vợ chồng sống đã ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay bà cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nữa nhưng bà mong muốn có một gia nên bà xin đoàn tụ. Nếu ông T1 không đồng ý đoàn tụ thì bà cũng đồng ý ly hôn. Do điều kiện của bà không thể tham gia phiên tòa được nên ngày 24/4/2019 bà Tcó đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Về con chung: Bà và ông T1có 02 con chung là Lê Thị T2, sinh ngày 16/8/1989, Lê Chung L, sinh ngày 29/5/1991. Hiện hai cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng

Về tài sản chung, công sức và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà ông Lê Trung T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Đoàn Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, thành phố Hà Nội tại phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự. Việc Tòa án nhân dân huyện PT thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tống đạt văn bản tố tụng là đúng pháp luật.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Trung T1 xin được ly hôn bà Đoàn Thị T.

Về án phí: Ông Lê Trung T1 phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã triệu tập hợp lệ bà Đoàn Thị T là bị đơn không có yêu cầu phản tố, vắng mặt tại phiên phiên toà, bà Thân có đơn đề nghị Tòa án huyện PT xét xử vắng mặt, Tòa án tiền hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Ông Lê Trung T1 và bà Đoàn Thị T kết hôn hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã VX, huyện PT, Thành phố Hà Nội vào ngày 27/01/1988 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình sống sống chung, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà Tcho rằng ông T1 có quan hệ ngoại tình nên vợ chồng xảy ra cãi nói nhau. Vợ chồng ông T1bà T sống ly thân từ tháng 6 năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tại phiên tòa ông T1vẫn giữ nguyên ý kiến xin được ly hôn bà Thân. Bà Tvắng mặt nhưng bà thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, bà và ông Thân không thể sống chung với nhau được.

Tòa án nhân dân huyện PT đã xác minh tại Ủy ban nhân dân xã XP được biết vợ chồng ông T1và bà Tthường xuyên xảy ra cãi nhau, có lúc ông T1 đã đánh bà T. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2017. Như vậy, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã sâu sắc trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Trung T1 là phù hợp.

- Về con chung: Ông T1và bà Tcó 02 con chung là Lê Thị T2, sinh ngày 16/8/1989, Lê Chung L, sinh ngày 29/5/1991. Hiện nay, các cháu đã trưởng thành, có khả năng lao động, nên Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, công sức: Các bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Ông Lê Trung T1 khai không có nợ; Bà Đoàn Thị T khai: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nếu sau này các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Ông Lê Trung T1 phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Ông Lê Trung T1 được ly hôn bà Đoàn Thị T.

2. Về con chung: Ông T1và bà T có 02 con chung là Lê Thị T2, sinh ngày 16/8/1989 và Lê Chung L, sinh ngày 29/5/1991. Hiện nay, các cháu đã trưởng thành, có khả năng lao động, nên Hội đồng xét xử không xem xét

3. Về tài sản chung, công sức và nợ: Các bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Lê Trung T1 phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005560 ngày 22/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, thành phố Hà Nội.

Căn cứ Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Ông Lê Trung T1 có quyền được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bà Đoàn Thị T vắng mặt, bà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- *TAND thành phố Hà Nội*;
- *VKSND huyện PT;*
- *THADS huyện PT;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Lê Văn Bình